

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 26 - 3 - 2020

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân.

2. Ông Lê Dũng Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Huyền TH - KSV.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân TT.

Địa chỉ: Thôn 1, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị TH – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Đ – Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị; Bà Đ có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn A, xã TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Bà H có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Xuân H1, sinh năm: 1957;

- Anh Lê Xuân C, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh C có mặt tại phiên tòa; ông H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019, bản tự khai ngày 12/12/2019, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/12/2013 Quỹ tín dụng nhân dân TT ký Hợp đồng tín dụng số 2013-1-00448 với bà Nguyễn Thị H và anh Lê Xuân C (Là con bà H). Tổng mức tín dụng được cấp là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Lãi suất cho vay 1,4%/tháng, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,1% tháng. Mục đích vay: Đầu tư làm nhà ở, phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng. Theo hợp đồng Quỹ tín dụng nhân dân TT đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị H và anh Lê Xuân C vay số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là 01 khối bất động sản là quyền sử dụng đất diện tích 284m² đất ở tại: Thôn 3, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 928638 do Ủy ban nhân dân huyện Thiệu Hoá cấp ngày 14/06/2006 đứng tên ông Lê Xuân H1 (Là chồng bà Nguyễn Thị H) là người bảo lãnh cho món vay của bà Nguyễn Thị H.

Từ khi vay đến nay bà Nguyễn Thị H và anh Lê Xuân C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Quỹ tín dụng, vi phạm thời gian trả nợ trong hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Quỹ đã nhiều lần làm việc và thông báo về việc bà H đã quá hạn trả nợ tại Quỹ với gia đình bà H; Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại gia đình bà H vẫn chưa thanh toán gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân TT và có biểu hiện chây ỳ không ký nhận nợ, không cam kết trả nợ khi Quỹ tín dụng giao thông báo nợ làm việc về việc thu hồi nợ. Vì vậy Quỹ tín dụng nhân dân TT khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H và anh Lê Xuân C thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân TT, nợ đến ngày 26/3/2019 gồm: Nợ gốc 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng); Nợ lãi trong hạn 81.118.000đ (Tám mươi một triệu một trăm mười tám nghìn đồng); Nợ lãi quá hạn 74.811.000đ (Bảy mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn đồng). Tổng nợ 425.929.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng); Đồng thời yêu cầu bà H, ông C pH1 thanh toán khoản tiền lãi phát sinh về sau theo hợp đồng cho đến ngày bà H, ông C thanh tất toán hết hợp đồng. Nếu bà H, anh C không thanh tất toán hết số nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TT đề nghị Tòa án tuyên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất Diện tích 284m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 928638 do UBND huyện Thiệu Hoá cấp ngày 14/06/2006 đứng tên ông Lê Xuân H1 (Là chồng bà Nguyễn Thị H) là người bảo lãnh cho món vay của bà Nguyễn Thị H, là tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khoản vay của bà Nguyễn Thị H. Tại phiên họp công khai chứng cứ, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn cho rằng tài sản đảm bảo không đăng ký thế chấp nên rút phần yêu cầu về tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2019, tại buổi hoà giải và phiên đối chất, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2007 bà H có vay của Quỹ tín dụng nhân dân TT số tiền 25.000.000đ

(Hai mươi lăm triệu đồng), bà H đã thanh toán và cầm hợp đồng về. Đến nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà H và con là Lê Xuân C trả tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi. Theo bà H thì (Hợp đồng vay, giấy nhận nợ, phiếu chi người nhận tiền) bà H có ký nhưng bà H chưa được vay, chưa được nhận tiền. Nếu bà H vay pH1 có phiếu tích kê các loại tiền và chữ ký nhận của bà H. Năm 2015, năm 2016 Quỹ tín dụng nhân dân TT bị thanh tra Công an và thanh tra Ngân hàng Nhà nước đã về gia đình bà H làm việc sau đó đã được ngân hàng cho quyết toán. Vì vậy bà H không đồng ý trả số tiền nợ mà Quỹ tín dụng nhân dân TT yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2019 và tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa anh Lê Xuân C trình bày: Năm 2007 gia đình anh C có vay của Quỹ tín dụng nhân dân TT số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), gia đình anh C đã thanh toán và cầm hợp đồng về. Đến nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà H và anh C trả tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Theo anh C là gia đình có ký hợp đồng vay nhưng chưa được đăng ký thế chấp, nên chưa được vay, chưa được nhận tiền, nếu nhận tiền pH1 có tích kê và ký nhận của anh C. Năm 2015, năm 2016 Quỹ tín dụng nhân dân TT bị thanh tra và đã được Quỹ tín dụng cho quyết toán. Vì vậy anh C không đồng ý trả số tiền nợ mà Quỹ tín dụng nhân dân TT yêu cầu.

Tại đơn khiếu nại đề ngày 16/12/2019, tại buổi hoà giải và phiên đối chất, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Xuân H1 trình bày: Ông H1 không biết việc bà H vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã TT, ông H1 không đồng ý với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, ông H1 không ký giấy ủy quyền cho bà H (Bà H là vợ ông H1).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc đưa người tham gia tố tụng, tư cách của những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ quy định của pháp luật dân sự, đề nghị áp dụng: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 298, Điều 319; 357 Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 10, Điều 11, Điểm a khoản 1, 3 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, bị đơn pH1 chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án thông báo, triệu tập ông H1 lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H1.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, có hợp đồng thế chấp kèm theo. Xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cư trú tại huyện Thiệu Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về xác định tư cách đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và theo yêu cầu ban đầu của Nguyên đơn thấy rằng, tại hợp đồng dụng số 2013-1-00448 /HĐTD ngày 26/12/2013 thì thấy bà Nguyễn Thị H là người đứng tên ký hợp đồng vay, ông Lê Xuân H1 là người ký giấy ủy quyền cho bà H được quyền sử dụng Quyền sử dụng đất để vay vốn tại Quỹ tín dụng TT, ông H1 và bà H là vợ chồng. Anh Lê Xuân C là con của ông Lê Xuân H1 và bà Nguyễn Thị H, anh C ký nhận giấy đề nghị vay vốn tại mục “Người thừa kế”, nên Hội đồng xét xử xác định tư cách tố tụng của bà H là bị đơn, ông H1 và anh C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điều 70, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã được ký kết vào năm 2013 thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực, tuy nhiên hợp đồng, quan hệ tranh chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, theo Điều 668 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tương tự của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng số 2013-1-00448/HĐTD thì thấy ngày 26/12/2013 bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng vay Quỹ tín dụng nhân dân xã TT số tiền vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng đồng), lãi suất 1.4%/tháng, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất nợ quá hạn 2,1%/tháng, phạt chậm trả đối với nợ lãi tiền vay 5%, lãi suất được điều chỉnh từng thời điểm theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân TT, phương thức trả nợ: Gốc đến hạn, lãi trả hàng tháng; Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã giải ngân, thể hiện bằng phiếu chi, giấy nhận nợ (BL: 81-82) được các bên thừa nhận chữ ký người nhận nợ và người nhận tiền là bà Nguyễn Thị H, được ký kết theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc bà Nguyễn Thị H cho rằng ký nhận nợ nhưng chưa nhận tiền, vì nhận tiền pH1 có tích kê từng loại tiền là không có căn cứ, bà H cho rằng năm 2015, năm 2016 đã được Thanh tra ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân TT đã cho gia đình quyết toán xong nợ, nhưng Quỹ tín dụng nhân dân TT không thừa nhận, điều đó chứng tỏ bà H đã thừa nhận có việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị H và Quỹ

tín dụng TT, hơn nữa trong suốt một thời gian dài gia đình bà H không có bất kỳ yêu cầu nào về việc yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân TT trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà H, từ những căn cứ đã nêu Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở vững chắc việc bà Nguyễn Thị H có vay tiền và đã nhận được tiền từ Quỹ tín dụng nhân dân TT theo hợp đồng tín dụng số 2013-1-00448 /HĐTD ngày 26/12/2013 mà các bên đã ký kết. Bà H vi phạm cam kết trả nợ, chưa trả tiền gốc và không trả được đồng lãi nào nên Quỹ tín dụng nhân dân TT khởi kiện yêu cầu bà H pH1 có nghĩa vụ thanh toán trả tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ; Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả theo hợp đồng là tự nguyện nên chấp nhận.

[2.2]. Về số tiền pH1 thanh toán: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Quỹ tín dụng yêu cầu bà H và anh C pH1 trả tiền gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn như lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết ngày 26/12/2013 cho đến khi tất toán xong khoản vay. Tính đến ngày 26/03/2020, theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp về thông tin dư nợ đối với khoản tiền vay bà H pH1 trả:

Nợ gốc: 170.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: $[(170.000.000đ \times 1.4\%): 30 \text{ ngày}] \times 2283 \text{ ngày} = 81.118.000đ$ (Tám mươi một triệu một trăm mười tám nghìn đồng);

Nợ lãi quá hạn: $[(170.000.000đ \times 0.7\%): 30 \text{ ngày}] \times 1886 \text{ ngày} = 74.811.000đ$ (Bảy mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn đồng)

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là 425.929.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Các khoản nợ phù hợp với hợp đồng ký kết theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với lãi suất cho phép của các tổ chức tín dụng, phù hợp theo hướng dẫn nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận toàn bộ. Ngoài ra còn trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 26/3/2020 cho đến khi trả hết số nợ gốc theo hợp đồng hạn mức tín dụng.

[2.3]. Về người pH1 trả nợ: Bà H và ông H1 là vợ chồng, nên theo điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, ông H1 pH1 có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TT cùng bà H, anh Lê Xuân C là người ký kết người thừa kế nghĩa vụ trả nợ, nên pH1 có trách nhiệm trả nợ khi bà H và ông H1 không có khả năng trả nợ là phù hợp với cam kết các bên đã ký.

[2.3]. Đối với yêu cầu đề nghị của Quỹ tín dụng nhân dân TT về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì thấy: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 2013-1-00448 /HĐTD, thì thấy ngày 20/12/2013 bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất Diện tích 284m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AE 928638 do UBND huyện Thiệu Hoá cấp ngày 14/06/2006 đứng tên Ông Lê Xuân H1 (Là chồng Bà Nguyễn Thị H) tại thôn 3, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Tuy nhiên do các bên không đăng ký thế chấp tại phòng đăng ký quyền sử dụng đất là vi phạm về thủ tục đăng ký tài sản đảm bảo, việc thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn rút yêu cầu này là phù hợp nên không

xem xét về phần tài sản đảm bảo khoản vay.

[3]. Các vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với ý kiến của ông Lê Xuân H1 về việc giấy ủy quyền giữa ông Lê Xuân H1 và bà Nguyễn Thị H (BL: 71) ông H1 không ký nhận và lặn vân tay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy chữ ký và dấu vân tay của ông H1, giải thích và yêu cầu ông H1 đề nghị đi giám định (BL 80) tuy nhiên ông H1 không yêu cầu giám định chữ viết và dấu vân tay. Hơn nữa việc các bên không đăng ký tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, nên việc giám định cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án là bà Nguyễn Thị H đã vay tiền, nhận tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân TT, nên việc giám định dấu vân tay và chữ viết trong văn bản ủy quyền của ông H1 cho bà H là không cần thiết.

Đối với yêu cầu của anh Lê Xuân C và bà Nguyễn Thị H về yêu cầu kiểm tra việc lưu trữ trong mạng máy tính của Quỹ tín dụng về khoản nợ của bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là lĩnh vực tín dụng Ngân hàng, việc lưu trữ, theo dõi về nợ vay bằng nhiều hình thức; Theo đại diện của Quỹ trình bày, nhiều khoản nợ đã lâu năm hồ sơ lưu trữ chủ yếu bằng giấy tờ theo dõi tài khoản vay, bà H và anh C cũng đã thừa nhận về việc có nợ, nhưng năm 2015 và 2016 Quỹ tín dụng đã đồng ý xóa nợ, nhưng không thể hiện bằng văn bản, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không thừa nhận đã xóa nợ cho gia đình bà H, nên việc kiểm tra là không cần thiết, không thay đổi bản chất của vụ án là bà H đã vay tiền của Quỹ tín dụng nhưng chưa trả nợ.

[4]. Về án phí: Bà H, ông H1 pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 298, Điều 319; Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 10, Điều 11, Điểm a khoản 1, 3 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân TT:

Về thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân H1 pH1 có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân TT số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 2013-1-00448 /HĐTD ngày 26/12/2013 số tiền gốc còn lại là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng); Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đến ngày xét xử (Ngày 26/3/2020) gồm: Nợ lãi trong hạn 81.118.000đ (Tám mươi một triệu một trăm mười tám nghìn đồng); Nợ lãi quá hạn 74.811.000đ (Bảy mươi tư triệu tám trăm mười một nghìn đồng). Tổng nợ 425.929.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân H1 còn pH1 tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân H1 pH1 tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân TT.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân H1 không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán được một phần nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân TT thì anh Lê Xuân C là người pH1 thanh toán thay cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân H1.

[2]. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Xuân H1 pH1 chịu 21.037.000đ (Hai mươi một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005616 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Quỹ tín dụng nhân dân TT, bà H, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Lê Minh Nhân

Hoàng Văn Đạt